TỔNG HỢP KINH PHÍ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM 5% CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HUYỆN VĨNH LINH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Vĩnh Linh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5%	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		Chi Văn hóa thông tin		Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn		Chi Thể dục thể thao		Chi các hoạt động kinh tế		Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		Chi Bảo đảm xã hội		Chi khác		Ghi chú
			Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	
A	*B*	*1=2+3...+17*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*C*
	Tổng cộng:	**1.484,14**	**905,10**	**16,00**	**2,50**	**45,70**	**5,20**	**8,10**	**2,54**	**11,16**	**0,00**	**29,34**	**354,80**	**51,60**	**0,00**	**29,70**	**0,00**	**22,40**	
1	**Quản lý nhà nước**	**60,30**											**60,30**	**0,00**					
+	Văn phòng HĐND&UBND huyện	13,00											13,00						
+	Phòng Lao động Thương binh - Xã hội huyện	6,50											6,50						
+	Phòng Tài chính - KH huyện	5,80											5,80						
+	Phòng Tài nguyên & M.Trường	4,00											4,00						
+	Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện	5,80											5,80						
+	Phòng tư pháp huyện	2,60											2,60						
+	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	3,90											3,90						
+	Phòng Nội vụ huyện	3,90											3,90						
+	Phòng Giáo dục - Đ.Tạo huyện	5,80											5,80						
+	Thanh tra huyện	3,20											3,20						
+	Phòng y tế huyện	2,60											2,60						
+	Phòng Văn hóa Thông tin huyện	3,20											3,20						
2	**Ngân sách Đảng**	**23,90**	**0,00**	**2,50**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**21,40**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	
+	Văn phòng Huyện ủy	21,40												21,40					
+	Trung tâm Chính trị	2,50		2,50															
3	**Khối mặt trận - đoàn thể**	**15,40**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**15,40**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	
+	Uỷ ban mặt trận huyện	4,50												4,50					
+	Hội nông dân huyện	2,60												2,60					
+	Hội liên hiệp phụ nữ huyện	3,20												3,20					
+	Đoàn thanh niên huyện	2,60												2,60					
+	Hội cựu chiến binh	2,50												2,50					
4	**Sự nghiệp khác và Hội chữ thập đỏ**	**16,44**	**0,00**	**0,00**	**2,50**	**0,00**	**5,20**	**0,00**	**2,54**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**4,50**	**1,70**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	
+	Hội chữ thập đỏ huyện	1,70												1,70					
+	Phòng Nội vụ huyện	0,60											0,60						
+	Ban quản lý dự án. PTQĐ và CCN, du lịch biển huyện	3,90											3,90						
+	Trung tâm Văn hoá - TT và TDTT	10,24			**2,50**		**5,20**		**2,54**										

STT	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5%	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		Chi Văn hóa thông tin		Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn		Chi Thể dục thể thao		Chi các hoạt động kinh tế		Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		Chi Bảo đảm xã hội		Chi khác		Ghi chú
			Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	
A	*B*	*1=2+3...+17*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*C*
5	**Các tổ chức xã hội**	**13,10**												**13,10**					
+	Hội người mù huyện	2,30												2,30					
+	Hội người khuyết tật. NNDC, BTXH	2,20												2,20					
+	Hội khuyến học huyện	2,10												2,10					
+	Phòng y tế huyện	2,10												2,10					
	Trong đó KP Hội Đông y	2,10												2,10					
+	Uỷ ban mặt trận huyện	4,40												4,40					
	Trong đó:	0,00												*0,00*					
	Hội người cao tuổi huyện	1,10												*1,10*					
	Hội cựu thanh niên xung phong	1,10												*1,10*					
	Hột tù chính trị yêu nước	1,10												*1,10*					
	Hội luật gia	1,10												*1,10*					
6	***Khối Mầm non***	***314,60***	***314,60***																
+	Trường MN Hoa Phượng	19,10	19,10																
+	Trường MN Sơn Ca	14,90	14,90																
+	Trường MN Bến Hải	9,90	9,90																
+	Trường MN Hiền Thành	17,50	17,50																
+	Trường MN Cửa Tùng	16,70	16,70																
+	Trường MN Vĩnh Chấp	14,30	14,30																
+	Trường MN Vĩnh Hòa	15,60	15,60																
+	Trường MN Vĩnh Giang	14,30	14,30																
+	Trường MN Vĩnh Lâm	15,60	15,60																
+	Trường MN Vĩnh Long	16,80	16,80																
+	Trường MN Vĩnh Sơn	16,80	16,80																
+	Trường MN Vĩnh Tú	11,00	11,00																
+	Trường MN Vĩnh Thủy	20,70	20,70																
+	Trường MN Vĩnh Thái	12,30	12,30																
+	Trường MN Số 1 Trung Nam	10,40	10,40																
+	Trường MN Số 2 Trung Nam	11,70	11,70																
+	Trường MN Số 1 Kim Thạch	8,40	8,40																
+	Trường MN Số 2 Kim Thạch	16,20	16,20																
+	Trường MN Quyết Thắng TT Bến Quan	16,20	16,20																
+	Trường MNCL xã Vĩnh Khê	10,40	10,40																

STT	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5%	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		Chi Văn hóa thông tin		Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn		Chi Thể dục thể thao		Chi các hoạt động kinh tế		Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		Chi Bảo đảm xã hội		Chi khác		Ghi chú
			Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	
A	*B*	*1=2+3...+17*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*C*
+	Trường MNCL xã Vĩnh Hà	13,50	13,50																
+	Trường MNCL xã Vĩnh Ô	12,30	12,30																
7	***Khối Tiểu học***	***260,50***	***260,50***																
+	Trường TH Kim Đồng	24,00	24,00																
+	Trường TH Võ Thị Sáu	13,00	13,00																
+	Trường TH Hiền Thành	18,10	18,10																
+	Trường TH Kim Thạch	21,40	21,40																
+	Trường TH Trung Nam	13,00	13,00																
+	Trường TH Vĩnh Lâm	22,00	22,00																
+	Trường TH Vĩnh Thủy	20,70	20,70																
+	Trường TH Cửa Tùng	33,70	33,70																
+	Trường TH Vĩnh Giang	13,00	13,00																
+	Trường TH Vĩnh Thái	13,00	13,00																
+	Trường PTDT bán trú TH Vĩnh Khê	12,30	12,30																
+	Trường PTDT bán trú TH Vĩnh Hà	9,10	9,10																
+	Trường PTDT bán trú TH Vĩnh Ô	13,00	13,00																
+	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	13,60	13,60																
+	Trường TH Quyết Thắng thị trấn Bến Quan	20,60	20,60																
8	***Khối THCS***	***314,00***	***314,00***																
+	Trường THCS Nguyễn Trãi	16,30	16,30																
+	Trường THCS Lê Quý Đôn	14,90	14,90																
+	Trường THCS Kim Thạch	16,20	16,20																
+	Trường THCS Chu Văn An	19,40	19,40																
+	Trường THCS Hiền Thành	14,30	14,30																
+	Trường THCS Cửa Tùng	27,40	27,40																
+	Trường THCS Vĩnh Thái	13,00	13,00																
+	Trường PTDT Nội trú Vĩnh Linh	24,00	24,00																
+	Trường TH&THCS Vĩnh Tú	0,00	0,00																
	TH	8,40	8,40																
	THCS	11,00	11,00																
+	Trường TH&THCS Vĩnh Chấp	0,00	0,00																
	TH	14,90	14,90																
	THCS	14,30	14,30																

STT	Nội dung	Tổng kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5%	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		Chi Văn hóa thông tin		Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn		Chi Thể dục thể thao		Chi các hoạt động kinh tế		Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		Chi Bảo đảm xã hội		Chi khác		Ghi chú
			Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chú	
A	*B*	*1=2+3...+17*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*C*
+	Trường TH&THCS Trung Nam	0,00	0,00																
	TH	10,40	10,40																
	THCS	18,80	18,80																
+	Trường TH&THCS Vĩnh Long	0,00	0,00																
	TH	17,50	17,50																
	THCS	14,90	14,90																
+	Trường TH&THCS Vĩnh Hòa	0,00	0,00																
	TH	12,30	12,30																
	THCS	13,00	13,00																
+	Trường TH&THCS Vĩnh Sơn	0,00	0,00																
	TH	18,10	18,10																
	THCS	14,90	14,90																
9	***Đơn vị khác***	***16,00***	***16,00***																
+	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	16,00	16,00																
10	**Xã, thị trấn**	**449,90**	**0,00**	**13,50**	**0,00**	**45,70**	**0,00**	**8,10**	**0,00**	**11,16**	**0,00**	**29,34**	**290,00**	**0,00**	**0,00**	**29,70**	**0,00**	**22,40**	
+	UBND xã Hiền Thành	27,45		0,75		3,00		0,45		0,62		1,63	16,30			3,40		1,30	
+	UBND xã Vĩnh Tú	25,15		0,75		2,10		0,45		0,62		1,63	16,30			2,10		1,20	
+	UBND xã Trung Nam	23,95		0,75		2,10		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,20	
+	UBND xã Vĩnh Thái	24,65		0,75		2,40		0,45		0,62		1,63	15,60			2,10		1,10	
+	UBND xã Vĩnh Chấp	25,15		0,75		2,10		0,45		0,62		1,63	16,30			2,10		1,20	
+	UBND xã Vĩnh Khê	22,55		0,75		1,60		0,45		0,62		1,63	15,60			0,90		1,00	
+	UBND xã Vĩnh Thủy	23,95		0,75		2,10		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,20	
+	UBND xã Vĩnh Giang	24,65		0,75		2,40		0,45		0,62		1,63	15,60			2,10		1,10	
+	UBND xã Vĩnh Lâm	24,25		0,75		2,40		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,20	
+	UBND TT Cửa Tùng	28,15		0,75		3,40		0,45		0,62		1,63	16,40			3,40		1,50	
+	UBND xã Vĩnh Long	25,25		0,75		3,30		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,30	
+	UBND xã Kim Thạch	29,85		0,75		5,00		0,45		0,62		1,63	16,30			3,40		1,70	
+	UBND TT Hồ xá	26,25		0,75		4,00		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,60	
+	UBND xã Vĩnh Sơn	24,25		0,75		2,40		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,20	
+	UBND xã Vĩnh Hòa	23,95		0,75		1,70		0,45		0,62		1,63	15,60			2,10		1,10	
+	UBND TT Bến Quan	22,85		0,75		1,90		0,45		0,62		1,63	15,60			0,90		1,00	
+	UBND xã Vĩnh Hà	23,75		0,75		1,90		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,20	
+	UBND xã Vĩnh Ô	23,85		0,75		1,90		0,45		0,62		1,63	16,30			0,90		1,30	